

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS-ST  
Ngày 17-3-2025  
“v/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lệ .

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

2/ Ông Phan Văn Truệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

**Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Chánh Tín – Kiểm sát viên

Ngày 17/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2024/TLST- DS ngày 15/11/2024 về việc “**Tranh chấp** hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐST-DS ngày 11/02/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Hữu T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số A, đường H, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

**Bị đơn:**

1/ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967; (vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1966, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số A, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2024 và bản tự khai ngày 13/01/2025, những lời trình bày của của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa như sau:

Ông có cho bà D vay 03 lần cụ thể: Ngày 06/3/2023 vay 50.000.000 đồng, ngày 07/3/2023 vay 80.000.000 đồng và ngày 08/3/2023 vay 570.000.000 đồng. Tổng cộng là 700.000.000 đồng giao dịch bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 070122239908 tại ngân hàng S do ông Nguyễn Nhựt N (con của bà D, ông T1) đứng tên theo yêu cầu của bà D. Sau khi Bà D xác nhận đã nhận đủ số tiền từ ông N xong thì bà D ký giấy mượn tiền ngày 08/3/2023 cho ông. Theo thỏa thuận của các bên thì thời hạn vay là 10 ngày lãi suất là 4%/tháng. Mục đích vay để buôn lúa nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình. Bà D đã thanh toán cho ông được

240.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà D ông T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền 690.000.000 đồng tiền gốc còn lại, không tiếp tục yêu cầu tiền lãi.

Ngày 13/01/2025, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà D và ông T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính tiền ngày vay đến ngày xét xử, mức lãi suất là 1.66%/tháng.

*Tại phiên tòa ông T trình bày:* Ngày 08/3/2023 bà D có ký với ông biên nhận của số tiền thực tế vay 03 lần cụ thể ngày 06/3/2023 vay 50.000.000 đồng, ngày 07/3/2023 vay 80.000.000 đồng và ngày 08/3/2023 vay 570.000.000 đồng, tổng cộng là 700.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày và tiếp tục ngày 23/8/2023 bà lại ký hợp đồng vay số tiền trên cho ông T với thời hạn 06 tháng nhưng đến nay bà D, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông yêu cầu bà D và ông T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán 700.000.000 đồng tiền gốc và mức lãi suất là 1.66%/tháng kể từ ngày 08/3/2023 đến ngày 17/3/2025 là 02 năm 00 tháng 09 ngày  $\times 1.66\%/tháng = 282.366.000$  đồng, tổng cộng gốc và lãi là 982.366.000 đồng. Đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà D đã thanh toán cho ông đến nay tổng số tiền là 255.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Trần Thị Kim D trình bày:* Bà có vay 03 lần cụ thể ngày 06/3/2023 vay 50.000.000 đồng, ngày 07/3/2023 vay 80.000.000 đồng và ngày 08/3/2023 vay 570.000.000 đồng. Tổng cộng là 700.000.000 đồng của ông T. Mục đích để buôn lúa phát triển kinh tế gia đình. Sau khi nhận đủ số tiền trên từ ông T, bà có ký tên vào các biên nhận ngày 08/3/2023 với thời hạn 10 ngày và tiếp tục ngày 23/8/2023 bà lại ký hợp đồng vay số tiền trên cho ông T với thời hạn 06 tháng nhưng đến nay bà D, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà đồng ý cùng ông T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính từ ngày vay đến ngày xét xử, mức lãi suất là 1.66%/tháng cho ông T. Đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà D đã thanh toán cho ông T đến nay là 255.000.000 đồng nhưng hoàn cảnh gia đình khó khăn xin được trả dần.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày trong hồ sơ cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:*

Về mặt hình thức: Từ giai đoạn thụ lý đến khi xét xử, Tòa án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, xác định đúng tư cách của bên tham gia tố tụng, đảm bảo các bên tham gia tố tụng được quyền tranh tụng tại tòa.

Về mặt nội dung như sau: Ông T yêu cầu ông T1, bà D có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng trong các bản chính biên nhận ngày 08/3/2023 do bà Trần Thị Kim D ký và ghi họ tên và bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 25/8/2023 do bà Trần Thị Kim D ký và ghi họ tên. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D cũng thừa nhận có vay số tiền 700.000.000 đồng và có ký tên trong các biên nhận trên bà đồng ý liên đới cùng ông T1 trả cho ông T. Bà D trình bày bà vay tiền của ông T để lấy vốn đi buôn lúa mục đích phát triển kinh tế

gia đình. Nên căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T yêu cầu ông T1 và bà D liên đới trả nợ là có căn cứ.

Về lãi suất: Trong các biên nhận hai bên có thỏa thuận lãi suất theo quy định của nhà nước và thời hạn vay 06 tháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất tính là 1.66%/tháng (tương ứng là 20%/năm). Lãi suất được tính từ ngày 08/3/2023 đến ngày 17/3/2025 là 02 năm 00 tháng 09 ngày x 1.66%/tháng = 282.366.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 982.366.000 đồng nhưng đến nay các bên thừa nhận D đã trả nhiều lần tổng cộng 255.000.000 đồng tiền lãi cho ông T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Lê Hữu T buộc ông **Nguyễn Văn T1 và** Trần Thị Kim D phải liên đới trả số tiền gốc và lãi là 982.366.000 đồng - 255.000.000 đồng = 727.366.000 đồng.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Hữu T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Số A. ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc là 700.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 08/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm nên được xác định quan hệ pháp luật dân sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thẩm quyền do Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bị đơn ông T1 vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T1 theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Đương sự thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Về quyền và phạm vi khởi kiện: Trước đây nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bà D và có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền 690.000.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà D và ông T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng 700.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính từ ngày 08/3/2023 đến ngày xét xử, mức lãi suất là 1.66%/tháng. Tòa án đã ra thông báo đóng tạm ứng phí cho ông T nộp và ra Thông báo về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nên xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng quy định tại Điều 5, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Về tư cách tham gia tố tụng: Đối với ông Nguyễn Nhựt N (con của bà D, ông T1) các bên giao dịch bằng hình thức chuyển khoản tại số tài khoản 070122239908 tại ngân hàng S do ông N đứng tên. Các bên đều thừa nhận có giao dịch trên nhưng bà D thừa nhận đã nhận đủ số tiền từ ông N và các bên cũng đã ký

lại hợp đồng vay mượn đúng với số tiền giao nhận. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án các bên không có ý kiến gì khác nên không cần thiết đưa ông N tham gia tố tụng trong vụ án.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Ông T yêu cầu ông T1, bà D có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng và lãi trong các bản chính biên nhận ngày 08/3/2023 do bà Trần Thị Kim D ký và ghi họ tên ở mục “*bên vay*” và bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 25/8/2023 do bà Trần Thị Kim D ký và ghi họ tên ở mục “*bên vay*” các bản chính do nguyên đơn cung cấp. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D cũng thừa nhận có vay số tiền 700.000.000 đồng của ông T và có ký tên trong các biên nhận trên, sự thừa nhận của đương sự là chứng cứ ko phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định khi giao kết hợp đồng trên, các đương sự là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, mục đích và nội dung không trái quy định của pháp luật nên đủ cơ sở xác định hợp đồng trên là hợp pháp từ đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi giao kết được quy định tại các Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về số tiền vay gốc: Ông T khởi kiện yêu cầu ông T1, bà D có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền vay 03 lần cụ thể: Ngày 06/3/2023 vay 50.000.000 đồng, ngày 07/3/2023 vay 80.000.000 đồng và ngày 08/3/2023 vay 570.000.000 đồng. Tổng cộng là 700.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, Sau khi xác nhận số tiền bà D đã nhận đủ xong thì bà D đã ký các biên nhận nợ cho ông T vào biên nhận ngày 08/3/2023 và Hợp đồng vay tiền ngày 25/8/2023. Tại phiên tòa bà D cũng thừa nhận bà còn nợ ông T số tiền gốc là 700.000.000 đồng và đồng ý liên đới cùng ông T1 trả số tiền trên cho ông T. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của ông T.

[2.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn ông T1 vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày trong hồ sơ cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng thể hiện ông T1 đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T nên được xác định ông T1 đã từ bỏ quyền chứng minh của mình về yêu cầu khởi kiện của ông T.

[2.4] Về lãi suất: Trong giấy biên nhận các bên thỏa thuận, thời hạn vay và lãi theo quy định của pháp luật nên được tính lãi từ khi bà D, ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 08/3/2023 đến ngày xét xử. Về mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng lãi suất theo quy định của nhà nước nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất tính là 1.66%/tháng (tương ứng là 20%/năm). Lãi suất được tính từ ngày 08/3/2023 đến ngày 17/3/2025 là 02 năm 00 tháng 09 ngày x 1.66%/tháng = 282.366.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 982.366.000 đồng.

[2.5] Đối với yêu cầu liên đới: Bà D trình bày bà vay tiền của ông T để lấy vốn đi buôn lúa mục đích phát triển kinh tế gia đình. Nên căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông T yêu cầu ông T1 và bà D liên đới trả nợ là có căn cứ.

[2.6] Quá trình thanh toán: Bà D cho rằng đã trả được nhiều lần tiền lãi cho ông T tổng cộng 255.000.000 đồng. Ông T cũng thừa nhận và đồng ý khấu trừ số tiền trên cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận khấu trừ cho bà D, ông T1.

[2.7] Từ những nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T buộc ông **Nguyễn Văn T1 và bà** Trần Thị Kim D phải liên đới trả số tiền 982.366.000đồng - 255.000.000 đồng = 727.366.000 đồng như ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[2.7] Về án phí: Buộc ông T1, bà D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 117, 288, **463**, 440, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T đối với ông **Nguyễn Văn T1 và bà** Trần Thị Kim D về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông **Nguyễn Văn T1 và bà** Trần Thị Kim D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Hữu T tổng số tiền là 727.366.000 đồng (bảy trăm hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### **5. Về án phí:**

Buộc ông **Nguyễn Văn T1 và bà** Trần Thị Kim D phải chịu 33.095.000đồng (ba mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho ông Lê Hữu T **số tiền tạm ứng án phí đã nộp** tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.700.000 đồng theo biên lai thu số 0002803 ngày 11/02/2025 và 15.800.000 đồng theo biên lai thu số 0002736 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kiến Tường.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Truyen – Lâm Thị Kim Xuyên**

**Vũ Thị Lệ**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Lệ**







